TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/7/2025
V/v Ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thư
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Kha
Ông Nguyễn Văn Được

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Diễm My- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Đồng Nai tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 62/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Lê Thị Mỹ U, sinh năm 1998; CCCD số: 070198000347; địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã TT, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước (*Nay là khu phố TT 4, phường ĐX, tỉnh Đồng Nai)*.

- **Bị đơn**: Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1990; CCCD số: 070090006312; địa chỉ cư trú: Khu phố XL, phường TX, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước (*Nay là khu phố XL, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai*).

(Bà U có mặt; ông V vắng mặt và có yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/02/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ U trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà U và ông V tự nguyện tìm hiểu chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 09/12/2016 tại UBND phường TX, thị xã ĐX, tỉnh Bình Phước (Nay là phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai). Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc thời gian ngắn, sau đó thì thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói

chung và đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay bà U nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà U yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V.

Về con chung: Quá trình chung sống bà U và ông V có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị HA, sinh ngày 17/12/2017 và cháu Nguyễn Thị TM, sinh ngày 11/12/2020. Bà U yêu cầu Tòa án giao 02 con chung cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Bà U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30/5/2025, bị đơn ông Nguyễn Thanh V trình bày:

Ông V thống nhất với bà U về thời gian đăng ký kết hôn và về con chung.

Về quan hệ hôn nhân: Bà U yêu cầu ly hôn với ông V thì ông V đồng ý.

Về con chung: Do 02 con chung còn nhỏ nên ông V đồng ý giao cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng

Về tài sản chung và nợ chung: Ông V thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vắng mặt và yêu cầu xét xử vắng mặt.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Đồng Nai: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải đối thoại; Điều 9, Điều 51, Điều 56, Khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQG14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị Mỹ U.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, tuyên bà Lê Thị Mỹ U được ly hôn với ông Nguyễn Thanh V.

- Về con chung: Giao cháu cháu Nguyễn Thị HA và cháu Nguyễn Thị TM cho bà U trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng**

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ U, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Thanh V có nơi cư trú tại khu phố Phú Lộc, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải đối thoại.

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung vụ án**

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ U về việc ly hôn với ông Nguyễn Thanh V, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Lê Thị Mỹ U và ông Nguyễn Thanh V tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường TX, thị xã ĐX, tỉnh Bình Phước (Nay là phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai), Giấy chứng nhận kết hôn số 131/2016 ngày 09/12/2016. Do vậy, hôn nhân giữa bà U và ông V là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, bà U trình bày mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn và đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Ông V cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà U. Do vậy, yêu cầu của bà U về việc ly hôn với ông V là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của bà U về việc giao 02 con chung cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Quá trình chung sống bà U và ông V có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị HA, sinh ngày 17/12/2017 và cháu Nguyễn Thị TM, sinh ngày 11/12/2020. Từ khi bà U và ông V ly thân đến nay 02 con chung sống cùng bà U. Ông V có ý kiến cho rằng 02 con chung còn nhỏ nên ông V đồng ý giao cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy, yêu cầu của bà U về việc trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung khi ly hôn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm*:* Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ U phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải đối thoại.

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ U

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ U được ly hôn với ông Nguyễn Thanh V.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thị HA, sinh ngày 17/12/2017 và cháu Nguyễn Thị TM, sinh ngày 11/12/2020 cho bà Lê Thị Mỹ U trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Thị Mỹ U phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà U đã nộp theo biên lai thu số 0001918 ngày 07 tháng 03 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước (Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 9 – Đồng Nai).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Khu vực 9 – Đồng Nai;
- Phòng THADS Khu vực 9 – Đồng Nai;
- UBND P. Bình Phước, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Minh Thư